

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 12 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân
2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2020/TL.ST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp NL 1, thị trấn PD, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh G (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã TL A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Vào năm 2013, bà và ông Trần Minh G tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ vào năm 2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong công việc và chăm sóc con chung.

Từ đó, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không được nên đã ly thân cách đây khoảng 02 năm. Bà nhận thấy không thể hàn gắn được nên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông G.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Thành P (nam), sinh ngày 03/4/2014. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu P đến khi thành niên và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Trần Minh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Trần Minh G; Về con chung: Giao cháu Trần Thành P (nam), sinh ngày 03/4/2014 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông G chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị T và ông Trần Minh G do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông G, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Minh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, bà Lê Thị

T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông G, bà T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà T và ông G tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa bà T và ông G phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà T cho rằng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong công việc và chăm sóc con chung. Do mâu thuẫn kéo dài mà không giải quyết được nên vợ chồng đã chính thức ly thân cách đây khoảng 02 năm. Quá trình giải quyết, bà T xác định không còn tình cảm với ông G, không giải quyết được mâu thuẫn với ông G nên cương quyết ly hôn. Đối với ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến, không tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các bên đương sự, thể hiện việc anh G không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông G.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông G có 01 con chung là cháu Trần Thành P (nam), sinh ngày 03/4/2014. Cháu P hiện tại đang sống chung với bà T, sau khi vợ chồng không còn sống chung thì cháu P do bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay. Hiện tại chưa ghi nhận được ý kiến của ông G về yêu cầu nuôi con chung. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu P nên giao cháu cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông G chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xác định được nên chưa xem xét giải quyết.

[4] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của bà T cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Trần Minh G.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thành P (nam), sinh ngày 03/4/2014 cho bà Lê Thị T nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Trần Minh G chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0005547 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà T đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND thị trấn Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên